**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN GÒ DẦU**
**TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:86/2023/HS-ST
Ngày:17-8-2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Ánh Nhạn.

2.Ông Lý Văn Tài.

***- Thư ký phiên tòa*:**Bà Nguyễn Thị Bình Nhi,Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninhtham gia phiên toà:***ÔngNguyễn Thanh Lam, Kiểm sát viên.

Ngày 17tháng 8năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2023/TLST-HS ngày07 tháng7năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HS ngày07tháng 8năm 2023, đối với các bị cáo:

**1. Phạm Văn N**,sinh năm 1989, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp A, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN; giới tính: nam; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị G; vợ: Nguyễn Thị Hồng N, con: có 01 người; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19-4-2023, đến ngày 13-6-2023thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh.

**2. Nguyễn Thị Kim P**,sinh năm 1977, tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp A, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN; giới tính: nữ; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn S (đã chết)và bà Đặng Thị D (đã chết); chồng: Huỳnh Thanh T9, con: có 02 người; tiền án, tiền sự: không có, bị cáo tại ngoại.

**3. Nguyễn Thị Cẩm L1**,sinh năm 1990, tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp A, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN; giới tính: nữ; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M (tên trong CCCD

là Nguyễn Văn M)và bà Nguyễn Thị L2; chồng: Nguyễn Quốc V, con: có 01 người; tiền án, tiền sự: không có, bị cáo tại ngoại.

**4. Vương Thị T5**,sinh năm 1964, tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp a, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN; giới tính: nữ; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vương Văn Q và bà Lê Thị O (đã chết); chồng: Nguyễn Văn Đ2, con: có 03 người; tiền án, tiền sự: không có, bị cáo tại ngoại.

**5. Võ Thị Cẩm H**,sinh năm 1987, tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp J, xã PT, huyện GD, tỉnh TN; giới tính: nữ; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Công B1 và bà Võ Thị E; chồng: Nguyễn Hoài F, con: có 02 người; tiền án, tiền sự: không có, bị cáo tại ngoại.

**6. Trần Thị U**,sinh năm 1963, tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp A, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN; giới tính: nữ; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T6 (đã chết)và bà Phan Thị S3 (đã chết); chồng: Nguyễn Văn Z (đã chết), con: có 02 người; tiền án, tiền sự: không có, bị cáo tại ngoại.

Các bị cáo có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9-2022, Trần Thị U hỏi ông Nguyễn Minh D là chủ bãi đất trống thuộc ấp 5, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, để U mở quán bán nước giải khát cho người đi đường thì ông D đồng ý và không có thu tiền thuê đất. Khoảng 13 giờ ngày 21-01-2023, Vương Thị T5, Nguyễn Thị Kim P và Nguyễn Thị Cẩm L1 đến quán nước của bà U để uống nước. Tại đây, có 01 người phụ nữ không rõ lý lịch lấy bộ bài tây ra rủ T5, P và L1 đánh bài cào thắng thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Một lúc sau, Phạm Văn N và Võ Thị Cẩm H đến cùng tham gia đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc, N sử dụng 9.000.000 đồng, L1 sử dụng 2.000.000 đồng, T5 sử dụng 900.000 đồng, P sử dụng 2.900.000 đồng và H sử dụng 40.000 đồng để đánh bạc. U biết tất cả tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền nhưng không đuổi khỏi quán mà để mọi người đánh bạc để bán nước kiếm lời và không có thu tiền xâu.

Hình thức đánh bạc là bài cào 03 lá, làm cái xoay vòng, mỗi người làm cái 02 ván xong thì chuyển cho người kế tiếp, người tham gia thắng thua với người làm cái. Nếu bài của người tham gia có số nút lớn hơn người làm cái thì người

tham gia thắng và ngược lại. Mỗi ván người tham gia đặt thấp nhất 20.000 đồng, cao nhất 100.000 đồng;trong đó T5 không làm cái, H đặt chung tụ bài với N.

Đến 14 giờ 40 phút cùng ngày, T5, P, L1, N và Hđang đánh bạc thắng thua bằng tiền, trong đó N thua 3.300.000 đồng, L1 huề tiền, T5 thắng 50.000 đồng, P thua 200.000 đồng và H thua 40.000 đồng thì bị Công an xã Bàu Đồn đến bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc 52 lá bài tây và 6.200.000 đồng; thu giữ số tiền trên người dùng đánh bạc gồm: N 5.500.000 đồng, T5 750.000 đồng và P 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, tất cả thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình;các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: tiền Việt Nam 14.950.000 (*mười bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn*) đồng; 01 bộ bài tây 52 lá, đã qua sử dụng; 01 (một) bàn gỗ có kích thước (49x100x64) cm, đã qua sử dụng; 05 (năm) ghế nhựa màu đỏ, loại ghế bành, kích thước (60x30x40) cm, đã qua sử dụng.

Về tài sản: Tất cả không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên.

Tại bản cáo trạng số 72/CT-VKSGD ngày 30-6-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Thị Cẩm L1, Vương Thị T5, Võ Thị Cẩm H và Trần Thị U về tội "Đánh bạc"theoquy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Các bị cáođã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầugiữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Thị Cẩm L1, Vương Thị T5, Võ Thị Cẩm H và Trần Thị Uphạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứkhoản 1 Điều 321,điểmi, skhoản 1Điều 51, Điều 65của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ09 tháng đến 12tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim P từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Vương Thị T5 từ06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Võ Thị Cẩm H từ 06 tháng đến 09tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị U từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáonói lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện như sau: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:Lúc 14 giờ 40 phút ngày 21-01-2023, tại ấp 5, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, Trần Thị U dùng quán nước giải khát của mình giúp sức cho Phạm Văn N sử dụng số tiền 9.000.000 đồng, Nguyễn Thị Kim P sử dụng số tiền 2.900.000 đồng, Nguyễn Thị Cẩm L1 sử dụng 2.000.000 đồng, Vương Thị T5 sử dụng 900.000 đồng và Võ Thị Cẩm H sử dụng 40.000 đồng cùng nhau tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài cào, tổng số tiền dùng đánh bạc 14.950.000 đồng thì bị bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 321 quy định *"Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền ... trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo do muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công lao động cực khổ, nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

[4.1] Bị cáo N là người sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án.

[4.2] Các bị cáo P, L1 có số tiền đánh bạc cao nhưng thấp hơn bị cáo N nên phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo N nhưng cao hơn các bị cáo còn lại.

[4.3] Các bị cáo T5, H có số tiền đánh bạc thấp nhất, bị U dùng quán nước giải khát của mình giúp sức cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc nên các bị cao này phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau, sau cùng.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xéttình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, cụ thể như sau:

[5.1] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt, không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, xử phạt các bị cáo N, thơ, L1 mức án tù, nhưng cho hưởng án treo; xử phạt các bị cáo T5, H, U mức án cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe từng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Do các bị cáo T5, H, U không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với tiền Việt Nam 14.950.000 (*mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn*) đồng các bị cáo dung vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7.2] Đối với 01 bộ bài tây 52 lá, đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị kinh tế nên tịch thu, tiêu hủy.

[7.3] Đối với 01 (một) bàn gỗ có kích thước (49x100x64) cm, đã qua sử dụng; 05 (năm) ghế nhựa màu đỏ, loại ghế bành, kích thước (60x30x40) cm, đã qua sử dụng là công cụ bị cáo U sử dụng cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc, không còn giá trị kinh tế nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Các đối tượng có liên quan khác:

[8.1]Đối với người phụ nữ không rõ lý lịch tham gia đánh bạc cùng các bị can, hiện chưa mời làm việc được, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[8.2]Đối với ông Nguyễn Minh D có hành vi cho U mở quán bán nước nhưng không biết U để cho các bị can đánh bạc thắng thua bằng tiền nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo là người bị kết án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáoPhạm Văn N, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Thị Cẩm L1, Vương Thị T5, Võ Thị Cẩm H và Trần Thị U phạm tội "Đánh bạc".

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321;điểm i, s khoản 1Điều 51, Điều65 của Bộ luật Hình sự:Xử phạt bị cáo Phạm Văn N09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim P6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm L16 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Thị Cẩm L1cho Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện GD, tỉnh TNgiám sát giáo dục trong thời gian thử thách.Trường hợp các bị cáoN, P, L1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

1.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1Điều 51, Điều 36của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vương Thị T5 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

1.5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Thị Cẩm H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

1.6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị U 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Gò Dầu nhận được quyết định thi hành án.

Giaocác bị cáo Vương Thị T5, Trần Thị U cho Uỷ ban nhân dân xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN; giao bị cáo Võ Thị Cẩm H cho Uỷ ban nhân dân xã PT, huyện GD, tỉnh TN để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xãtrong việc giám sát giáo dục.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 100 của Luật thi hành án Hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo Vương Thị T5, Trần Thị U, Võ Thị Cẩm H.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nướctiền Việt Nam: tiền Việt Nam 14.950.000 (*mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn*) đồng.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây 52 lá, đã qua sử dụng; 01 (một) bàn gỗ có kích thước (49x100x64) cm, đã qua sử dụng; 05 (năm) ghế nhựa màu đỏ, loại ghế bành, kích thước (60x30x40) cm, đã qua sử dụng.

*(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21-7-2023)*

3.Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

Buộc các bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Thị Cẩm L1, Vương Thị T5, Võ Thị Cẩm H và Trần Thị U, mỗi bị cáophải chịu200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồngán phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Vụ GĐKT. TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng lý lịch STP tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Nhà tạm giữ công an huyện Gò Dầu;
- CC THADS h. Gò Dầu;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án

**Trần Thanh Vũ**